TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐẤT** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HS-ST
Ngày: 17-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐẤT
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thủy

Ông Nguyễn Công Danh

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Phan Cao Thiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Đất tham gia phiên tòa*: Bà Mai Thị Thiên Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 179/2024/TLST-HS ngày 06/12/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HS ngày 13-01-2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1990 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Làm thuê; Giới tính: Nữ; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1974; Chồng: Nguyễn Văn N, sinh năm 1988 (đã ly hôn); Bị cáo có 01 người con sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa)

* *Bị hại:* Công ty TNHH C. Địa chỉ: Số 351 Võ Thị Sáu, thị trấn Long Điền, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Võ Thị S – Chức vụ: Giám đốc, sinh năm 1961. Địa chỉ: 49W khu phố L, thị trấn Đ, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (bà S có mặt tại phiên tòa ngày 12/02/2025, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 17/02/2025).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1999. Địa chỉ: Ấp Phước Thọ, xã Phước Hưng, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/11/2021, Nguyễn Thị Thu V được Công ty TNHH C, địa chỉ 351 Võ Thị Sáu, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, do bà Võ Thị S (Sinh năm 1961; Nơi cư trú: 49W khu phố Long Phượng, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) làm Giám đốc đại diện, ký hợp đồng lao động nhận vào làm nhân viên kế toán bán hàng hóa (sắt), kiêm việc quản lý, cập nhật công nợ, đôn đốc thu hồi các khoản nợ của khách hàng.

Quá trình làm việc, V thấy Công ty C là doanh nghiệp tư nhân chưa có quy định, phân công nhiệm vụ chặt chẽ cho từng nhân viên, kế toán và việc quản lý nộp tiền mặt, tiền khách hàng chuyển khoản không có sự kiểm tra chéo trên hệ thống kế toán của Công ty nên có sự sơ hở trong quản lý công nợ của khách hàng. Đồng thời, V biết được chị Nguyễn Thị X (sinh năm 1999; Nơi cư trú: Ấp P, xã H, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) mới vào công ty làm việc (tháng 02/2023) chưa có nhiều kinh nghiệm và được giao phụ trách bán hàng hóa (sắt), thu, quản lý tiền mặt khách mua hàng trả cho công ty nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của Công ty C thông qua chị X. Để thực hiện ý định, khoảng tháng 6/2023, V dùng thủ đoạn nói dối chị X giữ lại một phần tiền mặt mỗi khi khách mua hàng trả tiền mặt (thể hiện trong phiếu giao hàng) để đưa lại cho V với lý do gian dối là theo yêu cầu của Ban giám đốc công ty lấy tiền mặt trả tiền hoa hồng và bù trừ công nợ trước đó với các khách hàng của công ty, đồng thời V yêu cầu chị X ghi trong phiếu giao hàng thể hiện số tiền mặt đã đưa cho V thành số tiền khách hàng chuyển khoản cho công ty. Đến cuối ngày, chị X nộp lại toàn bộ tiền mặt thu bán hàng cho thủ quỹ công ty và đưa các phiếu giao hàng cho V theo quy định.

Tin tưởng V nói là thật nên từ tháng 6/2023 đến tháng 01/2024, mỗi khi V đến gặp hoặc nhắn tin qua zalo điện thoại yêu cầu giữ lại một khoản tiền mặt khách hàng đã thanh toán cho công ty, chị X đã nhiều lần đưa tiền cho V với tổng số tiền 211.049.000 đồng. Sau mỗi lần lấy tiền, V hợp thức hóa số tiền đã chiếm đoạt bằng cách lấy các phiếu giao hàng đối chiếu các khoản tiền mặt đã lấy từ chị X rồi đăng nhập vào hệ thống quản lý công nợ của công ty nhập nâng khống thêm công nợ của 02 khách hàng (cửa hàng vật liệu xây dựng Trí Dũng số tiền 106.644.500 đồng; cửa hàng vật liệu xây dựng Từ Diễm số tiền 104.391.600 đồng) cho cân đối, đảm bảo trên hệ thống kế toán thể hiện số tiền các khách hàng đã trả (gồm tiền mặt, chuyển khoản) cộng với số tiền các khách hàng còn nợ bằng với số tiền hàng hóa bán ra trong ngày nhằm tránh sự phát hiện của công ty.

Bằng thủ đoạn gian dối nêu trên, trong thời gian từ ngày 15/6/2023 đến ngày 25/01/2024, V đã chiếm đoạt tiền bán hàng của công ty C thu về do các khách đã mua hàng, cụ thể:

- Ngày 15/6/2023, V chiếm đoạt số tiền 3.427.000 đồng do chị X thu được từ việc bán hàng cho cửa hàng vật liệu xây dựng "Từ Diễm".

- Ngày 27/6/2023, V chiếm đoạt số tiền 7.199.000đ đồng do chị X thu được từ việc bán hàng cho cửa hàng vật liệu xây dựng "Từ Diễm".

- Ngày 04/7/2023, V chiếm đoạt số tiền 5.610.000 đồng do chị X thu được từ việc bán hàng cho cửa hàng vật liệu xây dựng "Hoàn Mỹ".

- Ngày 11/7/2023, V chiếm đoạt số tiền 5.183.000 đồng do chị X thu được từ việc bán hàng cho cửa hàng vật liệu xây dựng "Hoà Long Paint".

- Ngày 13/7/2023, V chiếm đoạt số tiền 7.084.000 đồng do chị X thu được từ việc bán hàng cho cửa hàng vật liệu xây dựng "Hoà Long Paint".

- Ngày 01/8/2023, V chiếm đoạt số tiền 5.342.000 đồng do chị X thu được từ việc bán hàng cho cửa hàng vật liệu xây dựng "Minh Quân.

- Ngày 15/8/2023, V chiếm đoạt số tiền 9.805.000 đồng do chị X thu được từ việc bán hàng cho cửa hàng vật liệu xây dựng "Hoà Long Paint".

- Ngày 26/8/2023, V chiếm đoạt số tiền 6.616.000 đồng do chị X thu được từ việc bán hàng cho cửa hàng vật liệu xây dựng "Minh Quân".

- Ngày 30/8/2023, V chiếm đoạt số tiền 5.405.000 đồng do chị X thu được từ việc bán hàng cho cửa hàng vật liệu xây dựng "Hoà Long Paint".

- Ngày 07/9/2023, V chiếm đoạt số tiền 4.278.000 đồng do chị X thu được từ việc bán hàng cho cửa hàng vật liệu xây dựng "Minh Quân" và cửa hàng vật liệu xây dựng "Trí Dũng".

- Ngày 11/9/2023, V chiếm đoạt số tiền 7.559.000 đồng do chị X thu được từ việc bán hàng cho cửa hàng vật liệu xây dựng "Minh Quân".

- Ngày 18/9/2023, V chiếm đoạt số tiền 8.000.000 đồng do chị X thu được từ việc bán hàng cho cửa hàng vật liệu xây dựng "Hồng Đại Phát".

- Ngày 25/9/2023, V chiếm đoạt số tiền 3.090.000 đồng do chị X thu được từ việc bán hàng cho cửa hàng vật liệu xây dựng "Minh Quân".

- Ngày 26/9/2023, V chiếm đoạt số tiền 4.122.000 đồng do chị X thu được từ việc bán hàng cho cửa hàng vật liệu xây dựng "Minh Quân".

- Ngày 04/10/2023, V chiếm đoạt số tiền 10.975.000 đồng do chị X thu được từ việc bán hàng cho cửa hàng vật liệu xây dựng "Hồng Đại Phát".

- Ngày 16/10/2023, V chiếm đoạt số tiền 8.250.000 đồng do chị X thu được từ việc bán hàng cho cửa hàng vật liệu xây dựng "Minh Quân".

- Ngày 30/10/2023, V chiếm đoạt số tiền 12.000.000 đồng do chị X thu được từ việc bán hàng cho cửa hàng vật liệu xây dựng "Hoà Long Paint".

- Ngày 06/11/2023, V chiếm đoạt số tiền 5.814.000 đồng do chị X thu được từ việc bán hàng cho cửa hàng vật liệu xây dựng "Minh Quân".

- Ngày 13/11/2023, V chiếm đoạt số tiền 10.135.000 đồng do chị X thu được từ việc bán hàng cho cửa hàng vật liệu xây dựng "Hoà Long Paint".

- Ngày 20/11/2023, V chiếm đoạt số tiền 9.580.000 đồng do chị X thu được từ việc bán hàng cho cửa hàng vật liệu xây dựng "Minh Quân".

- Ngày 22/11/2023, V chiếm đoạt số tiền 12.000.000 đồng do chị X thu được từ việc bán hàng cho cửa hàng vật liệu xây dựng "Lợi Phát Đạt".

- Ngày 28/11/2023, V chiếm đoạt số tiền 9.286.000 đồng do chị X thu được từ việc bán hàng cho cửa hàng vật liệu xây dựng "Minh Quân".

- Ngày 11/12/2023, V chiếm đoạt số tiền 5.346.000 đồng do chị X thu được từ việc bán hàng cho cửa hàng vật liệu xây dựng "Tú".

- Ngày 16/12/2023, V chiếm đoạt số tiền 7.903.000 đồng do chị X thu được từ việc bán hàng cho cửa hàng vật liệu xây dựng "Minh Quân".

- Ngày 28/11/2023, V chiếm đoạt số tiền 12.000.000 đồng do chị X thu được từ việc bán hàng cho cửa hàng vật liệu xây dựng "Hồng Đại Phát".

- Ngày 08/01/2024, V chiếm đoạt số tiền 8.030.000 đồng do chị X thu được từ việc bán hàng cho cửa hàng vật liệu xây dựng "Thu Mùi".

- Ngày 15/01/2024, V chiếm đoạt số tiền 12.000.000 đồng do chị X thu được từ việc bán hàng cho cửa hàng vật liệu xây dựng "Hồng Đại Phát".

- Ngày 25/01/2024, V chiếm đoạt số tiền 5.010.000 đồng do chị X thu được từ việc bán hàng cho cửa hàng vật liệu xây dựng "Minh Quân".

Đến ngày 07/02/2024, Công ty tổng kết kiểm tra số công nợ của các khách hàng phát hiện số tiền công nợ giữa hệ thống và thực tế chênh lệch nhau nên đã đối chiếu với các khách hàng "Trí Dũng" và "Từ Diễm" thì phát hiện số nợ không đúng như thực tế nên trình báo Cơ quan Công an.

Tại Cáo trạng số 184/CT-VKSLĐ ngày 05/12/2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Đất truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu V về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo Cáo trạng. Trong phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu V phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

- *Về trách nhiệm hình sự:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu V với mức án tù có thời hạn từ 07 (bảy) năm tù đến 08 (tám) năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH C yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 211.049.000đồng, bị cáo đã bồi thường xong, công ty TNHH C không yêu cầu thêm nên không xem xét.

- *Xử lý vật chứng*: Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án 31 phiếu bán hàng của Công ty C cho các khách hàng liên quan.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo chịu án phí theo quy định.

Bị cáo không tham gia tranh luận, trong phần trình bày lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Long Đất, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Đất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã tuân thủ nghiêm chỉnh theo thủ tục tố tụng trong việc thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo, đại diện bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có căn cứ xác định nội dung vụ án như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 15/6/2023 đến ngày 25/01/2024, Nguyễn Thị Thu V làm việc tại Công ty TNHH C thuộc khu phố Long Tân, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, đã dùng thủ đoạn thông qua nhân viên bán hàng Nguyễn Thị X nói chị X giữ lại một phần tiền mặt mỗi khi khách mua hàng trả tiền mặt cho công ty để đưa cho V với lý do gian dối là theo yêu cầu của Ban giám đốc công ty chỉ đạo V lấy tiền mặt trả tiền hoa hồng, bù trừ công nợ trước đó với các khách hàng. Tin tưởng nên chị X đã nhiều lần lấy tiền mặt khách mua hàng trả cho Công ty C đưa cho V rồi bị V chiếm đoạt 28 lần với tổng số tiền 211.049.000 đồng (mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng). Số tiền chiếm đoạt được, V sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Từ đó, Hội đồng xét xử có căn cơ sở quy kết bị cáo Nguyễn Thị Thu V phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật

hình sự. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Đất truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Bị cáo là kế toán doanh nghiệp được học tập, đào tạo bài bản, được tuyển dụng làm việc theo quy định đúng chuyên môn, đáng lẽ bị cáo phải sử dụng kiến thức kế toán để thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao theo chỉ đạo của ban giám đốc doanh nghiệp. Tuy nhiên, vì mục đích để có tiền tiêu xài mà không phải lao động, bị cáo đã lợi dụng sơ hở trong quá trình quản lý tài chính của doanh nghiệp, lợi dụng việc nhân viên kế toán bán hàng mới được tuyển dụng chưa nắm bắt hết quy trình làm việc và không biết về công nợ, từ đó bị cáo sử dụng thủ đoạn lừa dối kế toán bán hàng đưa tiền mặt cho bị cáo và sửa số liệu trên phần mềm kế toán chung để chiếm đoạt tiền của công ty. Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 211.049.000đồng (hai trăm mười một triệu không trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chiếm đoạt tài sản của pháp nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo có trình độ chuyên môn và hoàn toàn nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm.

Sau khi xem xét nhân thân bị cáo cùng hồ sơ tài liệu, Hội đồng xét xử thống nhất cần có mức án nghiêm khắc phù hợp với bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhiều lần liên tục trong thời gian dài, mỗi lần phạm tội đều có giá trị tài sản trên 2.000.000đồng thuộc điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự .

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi của mình, đồng thời sau khi bị phát hiện, bị cáo đã khắc phục, bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH C yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 211.049.000đồng (hai trăm mười một triệu không trăm bốn mươi chín nghìn đồng), bị cáo đã bồi thường xong, công ty TNHH C không yêu cầu thêm nên không xem xét.

[6] Xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án 31 phiếu bán hàng của Công ty C cho các khách hàng liên quan.

[7] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/NQ/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Thu V phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thu V 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án 31 phiếu bán hàng của Công ty C cho các khách hàng liên quan.

3. Án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Bị cáo Nguyễn Thị Thu V phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh BR-VT;
- VKS nhân dân huyện Long Đất;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Long Đất;
- Công an huyện Long Đất;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Chi CTHADS huyện Long Đất;
- THAHS huyện Long Đất;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu (3): Văn phòng, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Na